Phụ lục 15
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẶC KHU PHÚ QUỐC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 66, 69, 72, 82, 94, 96, 119, 120, 122, 133, 134, 135, 136, 137 Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	69	Từ ngã ba UBND xã Gành Dầu cũ - Ngã ba đường đi Mũi Dương	7.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã ba UBND xã Gành Dầu cũ - Ngã ba đường đi Mũi Dương)
2	72	Từ UBND xã Gành Dầu cũ - đường ra khu TĐC Gành Dầu (đường Hùng Tiền)	2.800	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã ba Xóm Mới (Gành Dầu)- ngã ba giao với đường Suối Cái - ngã ba Rạch Vẹm - Gành Dầu (ĐT.974))

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
3	96	Từ ngã ba đường Cây Kè - Đường tuyến tránh 2	3.500	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ngã ba đường Cây Kè - Đường Búng Gội)
4	119	Đường trong Khu Tái định cư ở ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu cũ		
		- Các tuyến đường chính đấu nối với đường Suối Cái - ngã ba Rạch Vẹm - Gành Dầu (đường ĐT.974)	3.200	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường chính đấu nối với đường Suối Cái - ngã ba Rạch Vẹm - Gành Dầu (đường ĐT.974) và các lô góc)
5	120	Đường trong Khu đô thị Suối Lớn, xã Dương Tơ (bao gồm cả Khu nhà ở cán bộ, công chức Vùng Cảnh sát biển 4 và Cụm đặc nhiệm Phòng chống tội phạm ma túy số 4 và Khu nhà ở Cán bộ, công chức Vùng 5 Hải Quân)		
		- Các nền nằm trên tuyến đường chính đấu nối với đường Nguyễn Văn Cừ (ĐT 46)	8.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Các nền góc và các nền nằm trên tuyến đường chính đấu nối với đường Nguyễn Văn Cừ (ĐT 46))

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	133	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)	806	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới))
7	134	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)	689	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới))
8	136	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới	5.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)
9	137	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới	4.000	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)
II	**BỔ SUNG**			
1	66	Khu vực An Thới		
		- Lô thường mặt đường 12m	6.250	Bổ sung
2	82	Đường trục Nam Bắc Đảo Phú Quốc (Đường ĐT.973): đoạn từ An Thới đến Dương Tơ		

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ ngã ba đường vô Chùa Hộ Quốc - Đường nhánh số 2	6.000	Bổ sung
		- Từ Đường nhánh số 2 - ngã ba Số 10 Hàm Ninh	8.000	Bổ sung
3		Ngã ba đường Dương Đông – Cửa Lấp – Bãi Khem (ĐT.975) đến Trạm ra đa	5.000	Bổ sung
4		Từ cầu Thanh Niên đến Đường tuyến tránh trục Bắc Nam	2.800	Bổ sung
5		Từ ngã ba đường Trung đoàn đến ngã ba đường Búng Gội	2.100	Bổ sung
6		Khu tái định cư An Thới		
		- Các nền tiếp giáp tuyến đường nội bộ còn lại	12.000	Bổ sung
7		Khu tái định cư Hàm Ninh		
		- Các nền tiếp giáp trục đường đi Cảng Bãi Vòng	12.400	Bổ sung

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Các nền tiếp giáp tuyến đường nội bộ còn lại	11.000	Bổ sung
8		Khu tái định cư Cửa Cạn		
		- Các nền tiếp giáp tuyến đường D1, E6, các nền tiếp giáp các tuyến đường đấu nối với đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu	11.400	Bổ sung
		- Các nền tiếp giáp các tuyến đường còn lại	10.000	Bổ sung
9		Khu tái định cư Hồ Suối Lớn		
		- Các nền tiếp giáp tuyến đường chính đấu nối với ĐT.973	11.400	Bổ sung
		- Các nền tiếp giáp tuyến đường còn lại	10.000	Bổ sung
10		Khu tái định cư Bãi Thơm		
		- Giá đất các nền thường (tiếp giáp với các tuyến đường nội bộ của dự án)	4.878	Bổ sung

TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Các nền tiếp giáp với Đường số 10 của ô P1, P2, P3 gần với đường trục chính (đường Nam Bắc Đảo Phú Quốc)	5.854	Bổ sung
11		Đường Đại Lộ Apec	14.000	Bổ sung
	66	Khu vực An Thới		
	82	Đường trục Nam Bắc Đảo Phú Quốc (Đường ĐT.973): đoạn từ An Thới đến Dương Tơ		
III	**HỦY BỎ**			
1	135	Các tuyến đường còn lại	689	Hủy bỏ